

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2023/HS-ST

Ngày: 17/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh – Nguyên Hiệu trưởng Trường THCS Trung Mỹ Tây, huyện Hóc Môn.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Nguyên Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh: bà Nguyễn Văn Triệu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 8 năm 2023 và ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2023/HSST ngày 19 tháng 05 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023, đối với:

1. Bị cáo **Nguyễn Văn Phúc T**, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2004 (tên gọi khác: không có), tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 949 đường A, Phường A1, quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị B; anh chị em ruột gồm có 04 người kể cả bị cáo; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2022 cho đến nay. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Nguyễn Đ**, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2004 (tên gọi khác: không có), tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 84/6 đường B1, phường A1, quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T1 và bà Võ Thị L; bị cáo là con một; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2022 cho đến nay. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Nguyễn Minh H**, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2006 (tên gọi khác: không có), tại tỉnh C3; hộ khẩu thường trú: đường C, khu phố C1, thị xã C2, tỉnh C3; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Hồ Thị N; anh chị em ruột gồm có 04 người kể cả bị cáo; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2022 cho đến nay. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo **Tôn Phi L**, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2007 (tên gọi khác: không có), tại tỉnh D4; hộ khẩu thường trú: xã D1, huyện D2, tỉnh D3; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Long T3 và bà Đoàn Kim K; anh chị em ruột gồm có 02 người kể cả bị cáo; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2022 cho đến nay. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo **Nguyễn Hoàng Anh K1**, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2006 (tên gọi khác: không có), tại thành phố H1; hộ khẩu thường trú: 451/11/14 đường E, khu phố E1, phường E2, Quận E3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 25/2 F, phường F1, quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng A3 và bà Dương Thị T4; anh chị em ruột gồm có 02 người kể cả bị cáo; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/12/2022 đến ngày 09/12/2022 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa

6. Bị cáo **Trương Gia L2**, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2007 (tên gọi khác: không có), tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 33/27 G, phường G1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đình L3 và bà Trương Thị Thúy V; bị cáo là con một; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2022 cho đến ngày 09/12/2023 thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: ông Hồ Văn D, sinh năm 2002 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 186 ấp H1, xã H2, huyện H3, tỉnh H4.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn D5, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: 949 đường A, Phường A1, quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Lê Tuấn C4, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 663 đường J, phường J1, quận J2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Trương Gia L2: bà Trương Thị Thúy V, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: 33/27 đường G, phường G1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Tôn Phi L: ông Tôn Long T3 (có mặt).

Địa chỉ: 571/1 đường O, phường O1, quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh H: bà Hồ Thị N (có mặt).

Địa chỉ: 94 P, phường P1, quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng Anh K1: ông Nguyễn Hoàng A3, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: 25/2 F, phường F1, quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng Anh K1: ông Huỳnh Trọng N2 – Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bào chữa cho bị cáo Tôn Phi L: ông Chung Ngọc T5 – Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Gia L2: bà Trần Thị H5 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh H: ông Huỳnh Khắc T6 – Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: 470 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 29/11/2022, bị cáo Nguyễn Văn Phúc T gặp các bị cáo Nguyễn Minh H, Tôn Phi L; Trương Gia L2 tại siêu thị Mini Stop trên đường Bàu Cát, thuộc Quận A2. Bị cáo Thịnh rủ cả nhóm đi qua quán cà phê ở gần khu công nghiệp A2, thuộc quận F2 để gặp bị cáo Nguyễn Đ, rồi bị cáo H điều khiển xe gắn máy hiệu Wave S màu đỏ, biển số 59M1 – 274.81 (xe của bị cáo T) chở các bị cáo T, L và L2 đến quán cà phê ở gần khu công nghiệp Tân Bình, thuộc quận F2 thì gặp bị cáo Đ và bị cáo Nguyễn Hoàng Anh K1 (bạn của bị cáo Đ). Bị cáo T rủ các bị cáo Đ và K cùng đi cướp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài thì cả hai đồng ý. Lúc này, bị cáo H điều khiển xe gắn máy hiệu Wave S chở hai bị cáo L và L2. Bị cáo K điều khiển xe gắn máy hiệu Dream màu nâu (không rõ biển số) chở hai bị cáo Đ và T. Cả nhóm cùng nhau đi về hướng huyện Hóc Môn. Khi đến trước nhà số 13/18 tổ 9, ấp 4, xã X, huyện Hóc Môn thì cả nhóm phát hiện ông Hồ Văn D4 đang ngồi sử dụng điện thoại di động trên lề đường, bên cạnh có dựng 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Winner X màu bạc

biển số 48D1 – 332.56. Hai bị cáo H và L liền kêu cả nhóm quay lại thì cả nhóm hiểu ý là cướp tài sản của ông D4. Cả nhóm quay lại và dừng xe trước mặt ông D4. Các bị cáo L, H và T xuống xe tiến về phía ông D4, còn các bị cáo K1, L3 và Đ thì ngồi trên xe để cảnh giới. Bị cáo T lấy trong người ra con dao tự chế giờ lên dọa chém ông D4 và nói “đưa xe, điện thoại đây, không đưa tao chém”, bị cáo L liền đi tới cướp điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng trên tay của ông D4, đồng thời bị cáo H leo lên xe gắn máy hiệu Winner X màu bạc còn cầm sẵn chìa khóa nổ máy xe chở bị cáo L cùng cả nhóm bỏ chạy thoát. Khi đến siêu thị Mini Stop, đối diện với trường nghề Lý Tự Trọng, thuộc quận A2 thì hai bị cáo H, L gặp lại các bị cáo T, L2, Đ và K1. Tại đây, bị cáo H lấy ra chiếc điện thoại vừa cướp được rồi nói với cả nhóm để bị cáo H mang điện thoại và xe gắn máy đi bán, tiền sẽ chia cho từng người sau thì cả nhóm đồng ý và cả nhóm bỏ đi về nhà ngủ. Riêng các bị cáo L, H và L2 thì về nhà bị cáo H để ngủ. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, các bị cáo L, H và L2 mang điện thoại di động hiệu Iphone XS Max đến cửa hàng di động “Cường Lê Mobile” tại địa chỉ 663 đường Tân Kỳ Tân Quý, phường J1, quận J2 gặp ông Lê Tuấn C4 là chủ cửa hàng điện thoại và bán được số tiền là 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng. Bị cáo H chia cho các bị cáo L2 được 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, L 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Sau đó, cả hai bị cáo H và L điều khiển xe gắn máy biển số 48D1 – 332.56 đến gặp bị cáo T. Khi bị cáo H đang chuẩn bị chia tiền cho bị cáo T thì tất cả bị Cơ quan Công an phát hiện mời về làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hóc Môn các bị cáo Nguyễn Văn Phúc T, Nguyễn Đ, Nguyễn Minh H, Tôn Phi L, Trương Gia L2, Nguyễn Hoàng Anh K1 đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Đối với ông Lê Tuấn C4 là người mua điện thoại của H nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Kết quả giám định tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hóc Môn kết luận: Chiếc xe gắn máy hiệu Honda Winner X màu bạc đỏ đen biển số 48D1 – 332.56 trị giá 23.500.000 (hai mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng trị giá 7.000.000 (bảy triệu) đồng. Tổng trị giá tài sản là 30.500.000 (ba mươi triệu năm trăm nghìn) đồng.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Winner X màu bạc đỏ đen, số khung: 3716LY800064, số máy: KC34E1126759 gắn biển số 48D1 – 332.56, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng. Đã trả lại cho bị hại ông Hồ Văn D4 là chủ sở hữu.

- Tiền Việt Nam: 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, trong đó thu giữ của bị cáo H 1.000.000 (một triệu) đồng và bị cáo L2 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

- 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng có chữ “LOUIS VUITTON”.

- 01 (một) quần tây dài màu xám;

- 01 (một) áo khoác tay dài màu đen thu giữ tại nơi ở của Huy.
- 01 (một) áo sơ mi tay dài sọc ca-rô màu xanh đen;
- 01 (một) quần jeans dài màu xanh của Thịnh.

- 01 (một) xe gắn máy hiệu Wave S màu đỏ biển số 59M2 – 274.81 là phương tiện T sử dụng cùng đồng bọn đi cướp tài sản. Qua xác minh do ông Nguyễn Văn D (cha Thịnh) làm chủ sở hữu, ông D cho bị cáo T mượn sử dụng không biết bị cáo T dùng xe vào việc phạm tội.

- 01 (một) con dao tự chế dài khoảng 50 cm có cán bằng gỗ là công cụ sử dụng đi cướp tài sản.

- 01 (một) áo khoác dài tay màu trắng đen;
- 01 (một) quần tây dài màu đen;
- 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng đen thu giữ của L2.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, tiền bồi thường và bãi nại không yêu cầu.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 132/CT-VKSH.HM ngày 26/04/2023 cũng như tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Phúc T, Nguyễn Đ, Nguyễn Minh H, Tôn Phi L, Nguyễn Hoàng Anh K1 và Trương Gia L2 về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự). Đồng thời, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Phúc T mức án từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đ mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 12, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Minh H mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, khoản 2 Điều 12, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Tôn Phi L mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 12, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Anh K1 mức án tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, khoản 2 Điều 12, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Trương Gia L2 mức án tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Về xử lý vật chứng vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

- Xe gắn máy hiệu Wave S màu đỏ biển số 59M2 – 274.81 là phương tiện bị cáo Thịnh sử dụng cùng đồng bọn đi cướp tài sản. Qua xác minh do ông Nguyễn Văn D (cha của bị cáo T) làm chủ sở hữu, ông D cho bị cáo T mượn sử dụng không biết bị cáo T dùng xe thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho ông D.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà Ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng là số tiền bán điện thoại cướp được do bị cáo H và L2 giao nộp.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng có chữ “LOUIS VUITTON”; 01 (một) quần tây dài màu xám; 01 (một) áo khoác tay dài màu đen thu giữ tại nơi ở của H; 01 (một) áo sơ mi tay dài sọc ca-rô màu xanh đen; 01 (một) quần jeans dài màu xanh của T; 01 (một) con dao tự chế dài khoảng 50 cm có cán bằng gỗ là công cụ sử dụng đi cướp tài sản; 01 (một) áo khoác dài tay màu trắng đen; 01 (một) quần tây dài màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng đen thu giữ của L2.

Về tiền thu lợi bất chính:

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Tôn Phi L phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hồ Văn D4 đã nhận bồi thường từ các bị cáo Nguyễn Văn Phúc T, Nguyễn Đ, Nguyễn Minh H, Tôn Phi L, Trương Gia L2 và Nguyễn Hoàng Anh K1 tổng số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tuấn C4 đã nhận được số tiền bồi thường 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng từ bà Trương Thị Thúy V là mẹ của bị cáo Trương Gia L2. Ông D4 và ông C4 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng Anh K1 là Trợ giúp viên pháp lý ông Huỳnh Trọng N2 phát biểu quan điểm bào chữa: do bị cáo K1 là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ vì bạn bè xấu rủ rê nên phạm tội. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, bị cáo K1 giữ vai trò cảnh giới

và không ăn chia lợi ích sau khi thực hiện hành vi phạm tội; quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại; đồng thời bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Khoa được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo Tôn Phi L là Trợ giúp viên pháp lý ông Chung Ngọc T5 phát biểu quan điểm bào chữa: bị cáo L phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt cha mẹ ly hôn, bị cáo sống chung với cha thiếu sự dạy dỗ của người mẹ nên trong lúc nông nổi nghe lời bạn xấu rủ rê vào con đường phạm tội. Bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại xin Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Gia L2 là Trợ giúp viên pháp lý bà Trần Thị H5 phát biểu quan điểm bào chữa: bị cáo L2 phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo L2 chỉ giữ vai trò thứ yếu trong vụ án là người cảnh giới cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Luân.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh H là Trợ giúp viên pháp lý ông Huỳnh Khắc T6 phát biểu quan điểm bào chữa: Bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi là người chưa thành niên theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Bộ luật hình sự nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Tại phiên Tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đ: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo H: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo L: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo L2: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt

cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo K1: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đối với bị hại ông Hoàng Văn D4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tuấn C4. Tại phiên tòa hôm nay, ông D4 và ông C4 có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của ông D4 và ông C4 không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự; đồng thời, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D4 và ông C4.

[3] Về tội danh: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên Tòa, qua phân hỏi và tranh tụng công khai, các bị cáo Nguyễn Văn Phúc T, Nguyễn Đ, Nguyễn Minh Huy, Tôn Phi L, Trương Gia L2 và Nguyễn Hoàng Anh K1 đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở xác định ngày 29/11/2022 các bị cáo Nguyễn Văn Phúc T, Nguyễn Đ, Nguyễn Minh H, Tôn Phi L, Trương Gia L2 và Nguyễn Hoàng Anh K1 đã cùng nhau sử dụng phương tiện là xe mô tô, dao tự chế đe dọa, tấn công ông Hồ Văn D4 để chiếm đoạt 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Winner X màu bạc đỏ đen biển số 48D1 – 332.56 trị giá 23.500.000 (hai mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng trị giá 7.000.000 (bảy triệu) đồng của ông Hồ Văn D4. Tổng giá trị tài sản là 30.500.000 (ba mươi triệu năm trăm nghìn) đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn Phúc T, Nguyễn Đ, Nguyễn Minh H, Tôn Phi L, Trương Gia L2 và Nguyễn Hoàng Anh K1 đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Phúc T, Nguyễn Đ, Nguyễn Minh H, Tôn Phi L, Trương Gia L2 và Nguyễn Hoàng Anh K1 với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

Đối với Lê Tuấn C4 là người mua điện thoại của bị cáo H nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý, tại phiên tòa đại

điện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử không xét là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn Phúc T, Nguyễn Đ, Nguyễn Minh H, Tôn Phi L, Trương Gia L2 và Nguyễn Hoàng Anh K1 là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, trật tự công cộng mà còn có thể dẫn đến tai nạn làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Không những vậy, hành vi của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an, tạo dư luận xấu và gây hoang mang đến tinh thần của người dân tại địa phương. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội; đồng thời cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là phù hợp. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét tình tiết các bị cáo đều là người chưa thành niên phạm tội, cụ thể là các bị cáo Tôn Phi L, Trương Gia L2 phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Hoàng Anh K1 phạm tội khi vừa hơn 16 tuổi thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Bộ luật hình sự.

Xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án, thấy rằng bị cáo Nguyễn Văn Phúc T giữ vai trò chủ mưu, lôi kéo xúi giục các bị cáo khác phạm tội do vậy khi lượng hình cần xử phạt bị cáo T mức án nghiêm khắc hơn các bị cáo khác là cần thiết. Các bị cáo Nguyễn Minh H, Tôn Phi L, Nguyễn Đ, Nguyễn Hoàng Anh K1, Trương Gia L2 là đồng phạm nên thuộc trường hợp quy định tại Điều 58 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Minh H và Nguyễn Hoàng Anh K1 phạm tội khi vừa hơn 16 tuổi thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Bộ luật hình sự nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác là có căn cứ; riêng đối với bị cáo K1 chỉ giữ vai trò cảnh giới và không ăn chia lợi ích với các bị cáo khác sau khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần xem xét mức án nhẹ hơn bị cáo H. Các bị cáo Tôn Phi L và Trương Gia L2 phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo Tôn Phi L là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại D4 nên cần xem xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo T nên cần cân nhắc mức hình phạt nặng hơn bị cáo L2. Các bị cáo Nguyễn Đ và Trương Gia L2 tham gia thực hiện hành vi phạm tội với tính chất là đồng phạm có vai trò thứ yếu nên khi lượng hình cần cân nhắc mức án nhẹ hơn các bị cáo khác.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: đại diện Viện kiểm sát nhận định bị cáo Nguyễn Văn Phúc T phạm tội thuộc trường hợp “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo khác không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là đúng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại thuộc trường hợp quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tất cả các bị cáo lần đầu phạm tội, riêng bị cáo Nguyễn Hoàng Anh K1 gia đình có công với cách mạng nên thuộc trường

hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Nhận thấy các bị cáo Nguyễn Đ, Nguyễn Minh H, Tôn Phi L, Nguyễn Hoàng Anh K1 và Trương Gia L2 đều có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, các bị cáo Nguyễn Đ, Nguyễn Hoàng Anh K1 và Trương Gia L2 chỉ giữ vai trò thứ yếu trong vụ án nên cần áp dụng Điều 54 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ. Các bị cáo H, K1 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự; các bị cáo L, L2 phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên áp dụng Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng nhận định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng là đúng với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: ông Hồ Văn D4 và ông Lê Tuấn C4 đã nhận bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn cũng đề nghị như nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Xét các lời bào chữa của các Trợ giúp viên pháp lý ông Chung Ngọc T5 là người bào chữa cho các bị cáo Tôn Phi L; bà Trần Thị H5 là người bào chữa cho bị cáo Trương Gia L2; ông Huỳnh Khắc T6 là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh H tất cả lời bào chữa của các trợ giúp viên pháp lý đều có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Tuy nhiên, đối với đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý ông Huỳnh Trọng N2 là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng Anh K1 về việc đề nghị áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo K1 được hưởng án treo là chưa đủ cơ sở chấp nhận vì không đảm bảo sự bình đẳng trước pháp luật giữa các bị cáo trong vụ án nên cần áp dụng Điều 54, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, xét thấy cần buộc các bị cáo Nguyễn Văn Phúc T, Nguyễn Đ, Nguyễn Minh H, Tôn Phi L, Trương Gia L2 và Nguyễn Hoàng Anh K1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 1 Luật trẻ em; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, xét thấy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tôn Phi L và bị cáo Trương Gia L2 do cả hai bị cáo đều là trẻ em là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Phúc T 08 (tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2022.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2022.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 12, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2022.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, khoản 2 Điều 12, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Tôn Phi L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2022.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 12, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Anh K1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2023 đến ngày 09/12/2023.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, khoản 2 Điều 12, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương Gia L2 02 (hai) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2022.

Về tiền thu lợi bất chính:

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh H phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Tôn Phi L phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả cho ông Nguyễn Văn D: 01 (một) xe gắn máy hiệu Wave S màu đỏ biển số 59M2 – 274.81.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng có chữ “LOUIS VUITTON”; 01 (một) quần tây dài màu xám; 01 (một) áo khoác dài tay màu

đen vàng; 01 (một) áo sơ mi tay dài sọc ca-rô màu xanh đen; 01 (một) quần jeans dài màu xanh; 01 (một) con dao tự chế dài khoảng 50cm có cán bằng gỗ; 01 (một) áo khoác dài tay màu trắng đen; 01 (một) quần tây dài màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng đen.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng của bị cáo H và L2.

(Theo Lệnh thanh toán ngày 21/4/2023 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam).

Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016: Nguyễn Văn Phúc T, Nguyễn Đ, Nguyễn Minh H và Nguyễn Hoàng Anh K1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Áp dụng Điều 1 Luật trẻ em; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016: bị cáo Tôn Phi L và bị cáo Trương Gia L2 được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bị cáo H, L, K1, L2 có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Phòng PC 27;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thanh Thủy

